

Ngày 09/9/2013

Bài 3: Khái niệm về thể tích của khối đa diện**I. Mục tiêu****1. Về kiến thức:**

- Biết được khái niệm về thể tích khối đa diện.

2. Về kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng vận dụng các công thức tính thể tích để tính được thể tích khối hộp chữ nhật.

3. Về tư duy, thái độ:

- Vận dụng linh hoạt các công thức vào các bài toán liên quan đến thể tích.
- Phát triển tư duy trừu tượng.
- Kỹ năng vẽ hình.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**1. Chuẩn bị của Giáo viên:**

- Chuẩn bị vẽ các hình 1.25 trên bảng phụ.
- Chuẩn bị 2 phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của Học sinh:

- Ôn lại kiến thức hình chóp, lăng trụ... đã học ở lớp 11.
- Đọc trước bài mới ở nhà.

III. Phương pháp:

- Nêu vấn đề, dẫn dắt đến công thức, phát vấn gợi mở, xây dựng công thức.
- Phát huy tính tích cực tự giác của học sinh.

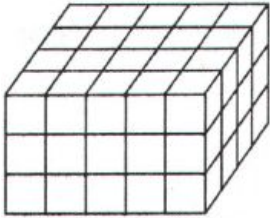
IV. Tiến trình bài học.

1. Kiểm tra bài cũ: Phát biểu định nghĩa khối đa diện, khối đa diện đều và các tính chất của chúng.

2. Bài mới.

Hoạt động 1: Khái niệm về thể tích khối đa diện

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh	Ghi bảng
- Đặt vấn đề: dẫn dắt đến khái niệm thể tích của khối đa diện. - Giới thiệu về thể tích khối đa diện: Mỗi khối đa diện được đặt tương ứng với một số dương duy nhất $V(H)$ thỏa mãn 3 tính chất (SGK). - Giáo viên dùng bảng phụ vẽ các khối (hình 1.25) - Cho học sinh nhận xét mối liên quan giữa các hình (H_0), (H_1), (H_2), (H_3) H_1: Tính thể tích các khối trên? - Tổng quát hoá để đưa ra công thức tính thể tích khối hộp chữ nhật. • GV hướng dẫn HS tìm cách tính thể tích của khối hộp chữ nhật. H_1. Có thể chia (H_1) thành bao nhiêu khối (H_0)? H_2. Có thể chia (H_2) thành bao nhiêu khối (H_1)?	+ Học sinh suy luận trả lời. + Học sinh ghi nhớ các tính chất. + Học sinh nhận xét, trả lời. Đ1. $5 \Rightarrow V_{(H_1)} = 5V_{(H_0)} = 5$ Đ2. $4 \Rightarrow V_{(H_2)} = 4V_{(H_1)} = 4.5$	I. Khái niệm về thể tích khối đa diện. 1. Khái niệm (SGK) + Hình vẽ (Bảng phụ) VD1: Tính thể tích của khối hộp chữ nhật có 3 kích thước là những số nguyên dương. (H_0) (H_1) (H_2)

H3. Có thể chia (H) thành bao nhiêu khối (H ₂)? • GV nêu định lí.	= 20 Đ3. $3 \Rightarrow V_{(H)} = 3V_{(H_2)} = 3.20 = 60$	 (H) Định lí: $V = abc$
--	---	--

Hoạt động: Áp dụng tính thể tích của khối hộp chữ nhật

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh	Ghi bảng																				
Cho HS thực hiện.	Các nhóm tính và điền vào bảng.	VD2: Gọi a, b, c, V lần lượt là ba kích thước và thể tích của khối hộp chữ nhật. Tính và điền vào ô trống: <table><tr><td>a</td><td>b</td><td>c</td><td>V</td></tr><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td></td><td>3</td><td>24</td></tr><tr><td>$\frac{1}{2}$</td><td>2</td><td>3</td><td></td></tr><tr><td>1</td><td>$\frac{1}{3}$</td><td></td><td>1</td></tr></table>	a	b	c	V	1	2	3		4		3	24	$\frac{1}{2}$	2	3		1	$\frac{1}{3}$		1
a	b	c	V																			
1	2	3																				
4		3	24																			
$\frac{1}{2}$	2	3																				
1	$\frac{1}{3}$		1																			

3. Củng cố: Nhấn mạnh:

- Khái niệm thể tích khối đa diện.
- Công thức tính thể tích khối hộp chữ nhật.

4. Bài tập về nhà: Bài 4 SGK

-----📖-----

Ngày 16/9/2013

Tiết 6: Khái niệm về thể tích khối đa diện (tt)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Biết được các công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ.

2. Về kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng vận dụng các công thức tính thể tích để tính được thể tích khối hộp chữ nhật, khối chóp.

3. Về tư duy, thái độ:

- Vận dụng linh hoạt các công thức vào các bài toán liên quan đến thể tích.
- Phát triển tư duy trừu tượng.
- Kỹ năng vẽ hình.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**1. Chuẩn bị của Giáo viên:**

- Chuẩn bị vẽ các hình 1.26 trên bảng phụ
- Chuẩn bị 2 phiếu học tập

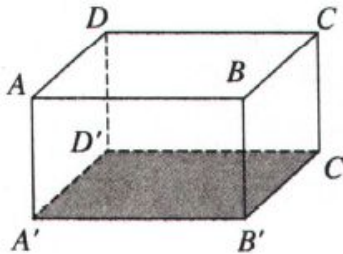
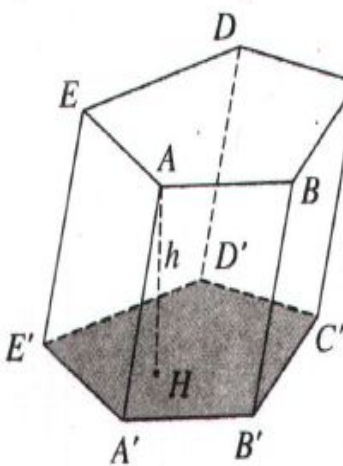
2. Chuẩn bị của Học sinh:

- Ôn lại kiến thức hình chóp, lăng trụ... đã học ở lớp 11.
- Đọc trước bài mới ở nhà.

III. Phương pháp:

- Nêu vấn đề, dẫn dắt đến công thức, phát vấn gợi mở, xây dựng công thức
- Phát huy tính tích cực tự giác của học sinh

IV. Tiến trình bài học.**1. Kiểm tra bài cũ:** Nêu công thức tính thể tích khối lăng trụ**2. Bài mới:****Hoạt động 2: Thể tích khối lăng trụ**

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh	Ghi bảng
H₂: Nêu mối liên hệ giữa khối hộp chữ nhật và khối lăng trụ có đáy là hình chữ nhật. H₃: Từ đó suy ra thể tích khối lăng trụ <i>* Phát phiếu học tập số 1</i> a. Cho (H) là khối lăng trụ đứng tam giác đều có tất cả các cạnh bằng a, thể tích (H) bằng: A. $\frac{a^3}{2}$; B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$; C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$; D. $\frac{a^3\sqrt{2}}{3}$	+ Học sinh trả lời: Khối hộp chữ nhật là khối lăng trụ có đáy là hình chữ nhật. + Học sinh suy luận và đưa ra công thức. + Học sinh thảo luận nhóm, chọn một học sinh trình bày. Phương án đúng là phương án C.	II. Thể tích khối lăng trụ <u>Định lí</u>: Thể tích khối lăng trụ có diện tích đáy là B, chiều cao h là: $V = B \cdot h$  

Hoạt động 3: Áp dụng tính thể tích khối lăng trụ

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh	Ghi bảng
---------------------	--------------------	----------

Cho HS thực hiện.	Các nhóm tính và điền kết quả vào bảng.	VD1: Gọi S, h, V lần lượt là thể diện tích đáy, chiều cao và thể tích khối lăng trụ. Tính và điền vào ô trống: <table border="1"> <tr> <th>S</th><th>h</th><th>V</th></tr> <tr> <td>8</td><td>7</td><td></td></tr> <tr> <td></td><td>8</td><td>4</td></tr> <tr> <td>8</td><td></td><td>4</td></tr> <tr> <td></td><td>$\frac{3}{2}$</td><td>12</td></tr> </table>	S	h	V	8	7			8	4	8		4		$\frac{3}{2}$	12
S	h	V															
8	7																
	8	4															
8		4															
	$\frac{3}{2}$	12															

3. **Củng cố**

- Công thức thể tích khối lăng trụ.
- Tính chất của hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều.

4. **Bài tập về nhà**

- Đọc tiếp bài "Khái niệm về thể tích của khối đa diện".
- Bài tập thêm.

----------

Ngày 24/9/2013

Tiết 7: Luyện tập: Khái niệm về thể tích của khối đa diện

I. Mục tiêu

1. **Về kiến thức:**

- Biết được khái niệm về thể tích khối đa diện.
- Biết được các công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ.

2. **Về kỹ năng:**

Rèn luyện kỹ năng vận dụng các công thức tính thể tích để tính được thể tích khối hộp chữ nhật, khối chóp.

3. **Về tư duy, thái độ:**

- Vận dụng linh hoạt các công thức vào các bài toán liên quan đến thể tích.
- Phát triển tư duy trừu tượng.
- Kỹ năng vẽ hình.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. **Chuẩn bị của Giáo viên:** Hệ thống các bài tập.

2. **Chuẩn bị của Học sinh:** Làm bài tập trước bài mới ở nhà.

III. **Phương pháp:** Phát huy tính tích cực tự giác của học sinh.

IV. Tiến trình bài học.

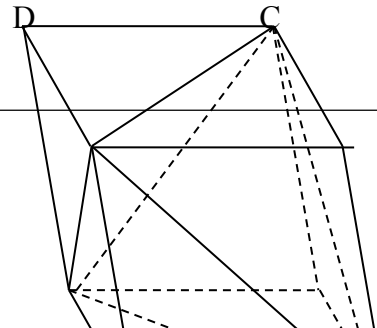
1. **Kiểm tra bài cũ:**

Nêu công thức tính thể tích của khối lăng trụ, khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

2. **Bài mới**

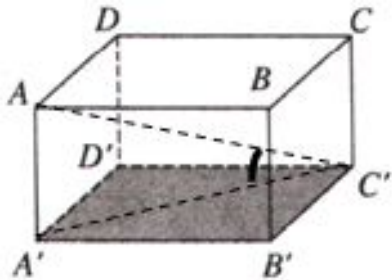
Bài tập 3/25(sgk) Cho hình hộp ABCD.A'B'C'D'.

Tính tỉ số thể tích của khối hộp đó và thể tích của khối tứ diện

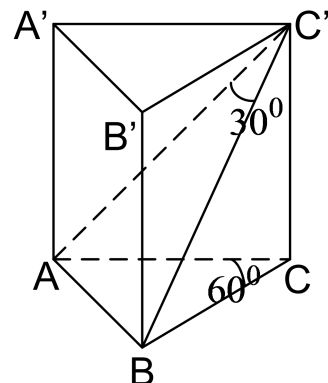
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Ghi bảng
Đặt $V_1 = V_{ACB'D'}$ $V =$ thể tích của khối hộp		

H1: Dựa vào hình vẽ các em cho biết khối hộp đã được chia thành bao nhiêu khối tứ diện, hãy kể tên các khối tứ diện đó? H2: Có thể tính tỉ số $\frac{V}{V_1}$? H3: Có thể tính V theo V_1 được không? H4: Có nhận xét gì về thể tích của các khối tứ diện $D'ADC$, $B'ABC$, $AA'B'D'$, $CB'C'D'$?	*Trả lời câu hỏi của GV * Suy luận $V = V_{D'ADC} + V_{B'ABC} + V_{AA'B'D'} + V_{CB'C'D'} + V_1$ * Suy luận $V_{D'ADC} = V_{B'ABC} = V_{AA'B'D'} = V_{CB'C'D'} = \frac{1}{6} V$ Vậy $V = 3V_1$	A B C' D' A' B' Gọi $V_1 = V_{ACB'D'}$ V là thể tích hình hộp S là diện tích ABCD h là chiều cao $V = V_{D'ADC} + V_{B'ABC} + V_{AA'B'D'} + V_{CB'C'D'} + V_1$ Mà $V_{D'ADC} = V_{B'ABC} = V_{AA'B'D'} = V_{CB'C'D'} = \frac{1}{3} \cdot \frac{S}{2} \cdot h = \frac{1}{6} V$ Nên $V_1 = V - \frac{4}{6} V = \frac{1}{3} V$ Vậy: $\frac{V}{V_1} = 3$
---	---	---

Hoạt động

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Ghi bảng
H1. Nhắc lại khái niệm lăng trụ đứng, lăng trụ đều? H2. Xác định góc giữa AC' và đáy? H3. Tính chiều cao của lăng trụ? H4. Xác định góc giữa BC' và mp($AA'C'C$)? H5. Tính AC', CC'?	Đ1. HS nhắc lại. Đ2. $\widehat{AC'A'} = 60^\circ$ Đ3. $h = CC' = AC \cdot \tan 60^\circ = a\sqrt{6}$ $\Rightarrow V = S_{ABCD} \cdot CC' = a^3\sqrt{6}$ Đ4. $\widehat{BCA} = 30^\circ$ Đ5. $AC' = AB \cdot \cot 30^\circ = 3b$ $CC' = \sqrt{AC'^2 - AC^2} = 2\sqrt{2}b$	BT2: Cho lăng trụ đều ABCD.A'B'C'D' cạnh đáy bằng a. Góc giữa đường chéo AC' và đáy bằng 60°. Tính thể tích của hình lăng trụ.  BT3: Hình lăng trụ đứng ABC.A'B'C' có đáy ABC là một tam giác vuông tại A, $AC = b$, $\widehat{C} = 60^\circ$. Đường chéo BC' của mặt bên $BB'C'C$ tạo với mp($AA'C'C$) một góc 30°. Tính thể tích của lăng trụ.

$$\Rightarrow V = b^3 \sqrt{6}.$$



3. **Củng cố**

+ Nắm vững các công thức thể tích.

+ Khi tính tỉ số thể tích giữa hai khối ta có thể tính trực tiếp hoặc tính gián tiếp.

+ Giải bài tập sau: Cho khối lăng trụ đứng $ABC.A'B'C'$ có đáy là tam giác vuông tại A, $AC = b$, góc $ACB = 60^\circ$. Đường thẳng BC' tạo với mp $(AA'C'C)$ một góc 30° .

- 1) Tính độ dài đoạn thẳng AC' .
- 2) Tính thể tích của khối lăng trụ.

GV hướng dẫn học sinh tìm lời giải.

4. Bài tập về nhà: Các bài còn lại SGK và SBT.



Ngày soạn 29/9/2013

Tiết 8: Khái niệm về thể tích (tt)

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức: Biết được các công thức tính thể tích của khối lăng trụ, khối chóp.

2. Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng các công thức tính thể tích để tính được thể tích khối hộp chữ nhật, khối chóp, khối lăng trụ.

3. Về tư duy, thái độ:

- Vận dụng linh hoạt các công thức vào các bài toán liên quan đến thể tích.
- Phát triển tư duy trừu tượng.
- Kỹ năng vẽ hình.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Chuẩn bị của Giáo viên:

- Chuẩn bị vẽ các hình 1.28 trên bảng phụ.
- Chuẩn bị 2 phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của Học sinh:

- Ôn lại kiến thức hình chóp, lăng trụ... đã học ở lớp 11.
- Đọc trước bài mới ở nhà.

III. Phương pháp:

- Nêu vấn đề, dẫn dắt đến công thức, phát vấn gợi mở, xây dựng công thức.

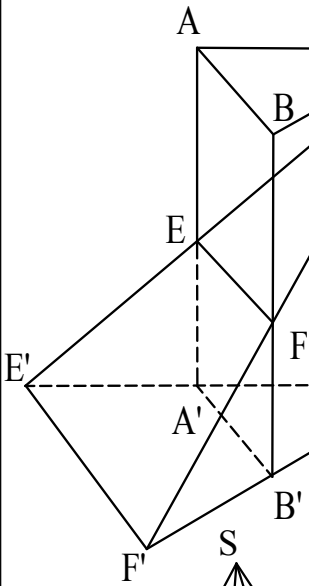
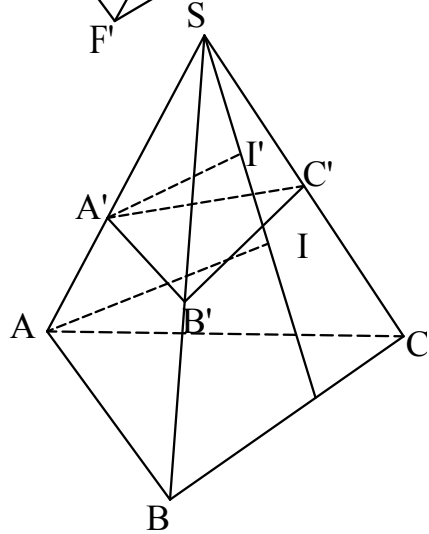
- Phát huy tính tích cực tự giác của học sinh.

IV. Tiến trình bài học.

1. **Kiểm tra bài cũ:** Đan xen vào hoạt động của giờ học.

2. **Bài mới.**

Hoạt động

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh	Ghi bảng
+ Giới thiệu định lý về thể tích khối chóp + Thể tích của khối chóp có thể bằng tổng thể tích của các khối chóp, khối đa diện. + Yêu cầu học sinh nghiên cứu <u>Ví dụ 1</u> (SGK trang 24) H₄: So sánh thể tích khối chóp C. A'B'C' và thể tích khối lăng trụ ABC. A'B'C'? H₅: Suy ra thể tích khối chóp C. ABB'A'? Nhận xét về diện tích của hình bình hành ABFE và ABB'A'? H₆: Từ đó suy ra thể tích khối chóp C. ABEF theo V. H₇: Xác định khối (H) và suy ra V (H) H₈: Tính tỉ số $\frac{V(H)}{V_{C.E'F'C'}}$ =? <u>Phát phiếu học tập số 2:</u> Cho tứ diện ABCD, gọi B' và C' lần lượt là trung điểm của AB và AC. Khi đó tỉ số thể tích của khối tứ diện AB'C'D và khối ABCD bằng: A. $\frac{1}{2}$; B. $\frac{1}{4}$; C. $\frac{1}{6}$; D. $\frac{1}{8}$ <u>Ví dụ 2:</u> bài tập 4 trang 25 SGK. * Hướng dẫn học sinh giải và nhấn mạnh công thức để học sinh áp dụng vào giải các bài tập liên quan.	+ Một học sinh nhắc lại chiều cao của hình chóp. Suy ra chiều cao của khối chóp. + Học sinh ghi nhớ công thức. + Học sinh suy nghĩ trả lời: $V_{C.A'B'C'} = 1/3 V$ $V_{C.ABB'A'} = 2/3 V$ $S_{ABFE} = 1/2 S_{ABB'A'}$ $\frac{V(H)}{V_{C.E'F'C'}} = 1/2$ Học sinh thảo luận nhóm và nhóm trưởng trình bày. Phương án đúng là phương án B. $V_{A'.SB'C'} = 1/3 A'I'.S_{S.B'C'}$ $V_{A.SBC} = 1/3 AI.S_{SBC}$ $\frac{V'}{V} = \frac{SA'.SB'.SC'}{SA.SB.SC}$	III. <u>T/t khối chóp</u> 1. <u>Định lý:</u> (SGK) 2. <u>Ví dụ</u>  

3. **Củng cố:** Giáo viên hướng dẫn học sinh nhắc lại.

- a. Công thức tính thể tích khối chóp.
b. Phương pháp tính thể tích khối lăng trụ, khối chóp.

4. Bài tập về nhà: Các bài tập SGK và SBT.



Ngày / /

Tiết 9: Luyện tập khái niệm khối đa diện (tt)

I. Mục tiêu

- 1. Về kiến thức:** Biết được khái niệm về thể tích khối đa diện; Biết được các công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp.
2. Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng các công thức tính thể tích để tính được thể tích khối hộp chữ nhật, khối chóp, khối lăng trụ.
3. Về tư duy, thái độ: Vận dụng linh hoạt các công thức vào các bài toán liên quan đến thể tích; Phát triển tư duy trừu tượng; Kỹ năng vẽ hình.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

- 1. Chuẩn bị của Giáo viên:** Hệ thống câu hỏi và bài tập
2. Chuẩn bị của Học sinh: Làm bài trước ở nhà

III. Phương pháp:

- Nêu vấn đề, dẫn dắt đến công thức, phát vấn gợi mở, xây dựng công thức.
- Phát huy tính tích cực tự giác của học sinh.

IV. Tiến trình bài học.

- 1. Kiểm tra bài cũ:** Đan xen vào hoạt động của giờ học.

2. Bài mới

Bài tập 1 /25(sgk) Tính thể tích khối tứ diện đều cạnh a

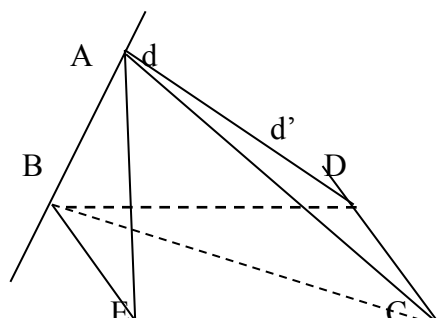
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Ghi bảng
H1: Nêu công thức tính thể tích của khối tứ diện? H2: Xác định chân đường cao của tứ diện? * Chỉnh sửa và hoàn thiện lời giải.	* Trả lời các câu hỏi của giáo viên Học sinh lên bảng giải Hạ đường cao AH $V_{ABCD} = \frac{1}{3} S_{BCD} \cdot AH$ Vì ABCD là tứ diện đều nên H là tâm của tam giác BCD. $\Rightarrow H$ là trọng tâm ΔBCD Do đó $BH = \frac{a\sqrt{3}}{3}$; $AH^2 = a^2 - BH^2 = \frac{2}{3} a^2$ $V_{ABCD} = a^3 \cdot \frac{\sqrt{2}}{12}$	

Hoạt động

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Ghi bảng
Bài tập 5/26(sgk) Cho tam giác ABC vuông cân ở A $AB = a$. Trên đường thẳng qua C và vuông góc với (ABC) lấy		

điểm D sao cho $CD = a$. Mặt phẳng qua C vuông góc với BD cắt BD tại F và cắt AD tại E. Tính thể tích khối tứ diện CDEF. H1: Xác định mp qua C vuông góc với BD. H2: CM: $BD \perp (CEF)$ H3: Tính V_{CDEF} bằng cách nào? * Dựa vào kết quả bài tập 5 hoặc tính trực tiếp H4: Dựa vào bài 5 lập tỉ số nào? H5: dựa vào yếu tố nào để tính được các tỉ số: $\frac{DE}{DA} \text{ \& } \frac{DF}{DB}$ H5: Tính thể tích của khối tứ diện DCBA. * GV sửa và hoàn chỉnh lời giải. * Hướng dẫn học sinh tính V_{CDEF} trực tiếp (không sử dụng bài tập 5)	* Trả lời câu hỏi GV. * xác định mp cần dựng là (CEF) * Vận dụng kết quả bài 5. * Tính tỉ số: $\frac{V_{CDEF}}{V_{DCAB}}$ * học sinh trả lời các câu hỏi và lên bảng tính các tỉ số. * học sinh tính V_{DCBA}.	Dựng $CF \perp BD$ (1) dựng $CE \perp AD$ ta có: $\begin{cases} BA \perp CD \\ BA \perp CA \end{cases}$ $\Rightarrow BA \perp (ADC) \Rightarrow BA \perp CE$ (2) Từ (1) và (2) $\Rightarrow (CEF) \perp BD$ $\frac{V_{CDEF}}{V_{DCAB}} = \frac{DC}{DC} \cdot \frac{DE}{DA} \cdot \frac{DF}{DB}$ $= \frac{DE}{DA} \cdot \frac{DF}{DB}$ * $\triangle ADC$ vuông cân tại C có $CE \perp AD \Rightarrow E$ là trung điểm của AD $\Rightarrow \frac{DE}{DA} = \frac{1}{2}$ (3) $DB^2 = \sqrt{BC^2 + DC^2}$ $* = \sqrt{AB^2 + AC^2 + DC^2}$ $= \sqrt{a^2 + a^2 + a^2} = a\sqrt{3}$ * $\triangle CDB$ vuông tại C có $CF \perp BD$ $\Rightarrow DF \cdot DB = DC^2$ $\Rightarrow \frac{DF}{DB} = \frac{DC^2}{DB^2} = \frac{a^2}{3a^2} = \frac{1}{3} \text{ (4)}$ Từ (3) và (4) $\Rightarrow \frac{DE}{DA} \cdot \frac{DF}{DB} = \frac{1}{6}$ $* V_{DCBA} = \frac{1}{3} DC \cdot S_{ABC} = \frac{a^3}{6}$ $* \frac{V_{CDEF}}{V_{DCAB}} = \frac{1}{6} \Rightarrow V_{CDEF} = \frac{a^3}{36}$
---	---	---

Bài tập 6/26(sgk) Cho hai đường thẳng chéo nhau d và d' đoạn thẳng AB có độ dài a trượt trên d. đoạn thẳng CD có độ dài b trượt trên d'. Chứng minh rằng khối tứ diện ABCD có thể tích không đổi.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Ghi bảng
* Gọi ý: Tạo sự liên quan của giả thiết bằng cách dựng hình bình hành BDCE trong mp (BCD) H1: Có nhận xét gì về V_{ABCD} và V_{ABED}? H2: Xác định góc giữa hai đường d và d'. * Chú ý GV giải thích $\widehat{ABE} = \begin{cases} \pi - \alpha \\ \alpha \end{cases}$ $\sin(\pi - \alpha) = \sin \alpha$ H3: Xác định chiều cao của khối tứ diện CABE. * Chỉnh sửa và hoàn thiện bài giải của HS.	* Trả lời các câu hỏi của GV đặt ra: + Suy diễn để dẫn đến $V_{ABCD} = V_{ABEC}$ + Gọi HS lên bảng và giải.	 * Gọi h là khoảng cách của hai đường thẳng chéo nhau d và d' * α là góc giữa d và d'. $\Rightarrow \alpha$ không đổi. * Trong (BCD) dựng hình bình hành BDCE * $V_{ABCD} = V_{ABEC}$ * Vì $d' // BE \Rightarrow (d, d') = (AB, BE)$ Và h là khoảng cách từ d' đến mp(ABE) $\Rightarrow h$ không đổi. * $V_{ABEC} = \frac{1}{3} S_{ABE} \cdot h$ $= \frac{1}{3} \cdot \frac{1}{2} AB \cdot BE \cdot \sin \alpha \cdot h$ $= \frac{1}{6} abh \sin \alpha$ * $V_{ABCD} = \frac{1}{6} abh \sin \alpha$ Không đổi

Hoạt động:

Giải bài toán 6 bằng cách khác (GV gợi ý dựng hình lăng trụ tam giác)

3. **Củng cố toàn bài**

+ Nắm vững các công thức thể tích.

+ Khi tính thể tích của khối chóp tam giác ta cần xác định mặt đáy và chiều cao để bài toán đơn giản hơn.

+ Khi tính tỉ số thể tích giữa hai khối ta có thể tính trực tiếp hoặc tính gián tiếp.

4. **Bài tập về nhà:**

Làm bài tập: Ôn tập chương I.